

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 8 - 2025

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Cường Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Sách và bà Ngô Thuỳ Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2025/HNGĐ ngày 13/3/2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1984 (Có mặt).

HKTT: Thôn L, xã TP, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn L, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh). Trú tại: Thôn G, xã TP, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh).

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (Có mặt).

HKTT: Thôn L, xã TP, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn L, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh). Trú tại: Thôn G, xã TP, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau ngày 14 tháng 11 năm 2008. Trước khi kết hôn chị và anh Hà có được tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau đó kết hôn và có đăng ký tại UBND xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường TL, tỉnh Bắc Ninh). Khi đăng ký kết hôn cả hai đều tự nguyện không ai ép buộc ai. Kết hôn xong thì vợ chồng về chung sống cùng nhau

tại Thôn G, xã TP, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh) cho đến nay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, anh H thường xuyên rượu chè, không quan tâm gì đến vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, chửi bới, xúc phạm chị và gia đình hàng ngày. Chị đã khuyên giải anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Chị và anh H sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ sinh lý, tình cảm. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ với nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 31/8/2009 và cháu Nguyễn Văn Đức T1, sinh ngày 27/8/2011. Hiện các cháu vẫn đang ở cùng với vợ chồng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Tại phiên toà hôm nay, chị thay đổi quan điểm khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Văn Đức T1 còn giao cháu Nguyễn Văn Anh T cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thu nhập: Hiện nay chị đang làm tại Công ty TNHH điện tử Foster Electric Bắc Ninh. Địa chỉ: Khu công nghiệp Visip, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với thu nhập khoảng 15 - 20 triệu đồng/tháng.

Về chỗ ở: Sau khi ly hôn, chị vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 tại nhà ở thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm 01 thửa đất số 279, tờ bản đồ số 278, diện tích 127,3m<sup>2</sup> tại thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh thuộc lô B2 và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích sàn 90m<sup>2</sup> (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 01 Sổ bảo hiểm nhân thọ Dai - I - Chi mua từ năm 2016 đến nay khoảng gần 100.000.000đ: yêu cầu chia tài sản chung của anh H đã nộp sau khi Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào hồi 08h30' ngày 22/7/2025. Căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị đề nghị Tòa án không xem xét yêu cầu phản tố của anh H trong vụ án này. Nếu anh H cung cấp được đầy đủ tài liệu, chứng cứ thì có thể làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn trong vụ án khác.

- Về án phí: Chị xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Ngoài ra chị Nguyễn Thị A không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

*\* Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời điểm, địa điểm đăng ký kết hôn như chị A trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống cùng nhau tại thôn G, xã TP, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cho đến nay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A tính tình ngang bướng, thỉnh thoảng vợ chồng có xô xát, chửi bới nhau. Anh và chị A đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hoà giải mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Anh và chị A sống ly thân với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay, chị A làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của chị A.

- Về con chung: Anh và chị có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 31/8/2009 và cháu Nguyễn Văn Đức T1, sinh ngày 27/8/2011, hiện các cháu đang ở cùng với vợ chồng anh. Khi ly hôn, anh cũng có nguyện vọng xin nuôi cả 2 con chung. Tại phiên tòa hôm nay anh thay đổi quan điểm khi ly hôn anh đồng ý quan điểm của chị A là giao cháu Nguyễn Văn Anh T cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc còn giao cháu Nguyễn Văn Đức T1 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thu nhập: Hiện anh đang làm gara ô tô ở số 730, phố Mới, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Thu nhập khoảng 30 đến 40 triệu đồng/tháng.

Về chỗ ở: Sau khi ly hôn anh vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Anh T tại nhà ở thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh.

- Về tài sản chung: Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh đều trình bày về tài sản chung, công nợ, công sức thì anh và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hồi 08h30' ngày 22/7/2025, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H vắng mặt không lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ. Đến 15h06' ngày 22/7/2025, anh giao nộp đơn phản tố cho Tòa án yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: 01 thửa đất số 279, tờ bản đồ số 278, diện tích 127,3m<sup>2</sup> tại thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh thuộc lô B2 và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích sàn 90m<sup>2</sup>; 01 Sổ bảo hiểm nhân thọ Dai - I - Chi mua từ năm 2016 đến nay khoảng gần 100.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ, công sức: Anh và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh nhất trí để chị Nguyễn Thị A tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra anh Nguyễn Văn H không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến, đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật, bị đơn cơ bản đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A. Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Khi ly hôn giao cháu Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 31/8/2009 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Giao cháu Nguyễn Văn Đức T1, sinh ngày 27/8/2011 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Chị A không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Anh H có đơn phản tố đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: 01 thửa đất số 279, tờ bản đồ số 278, diện tích 127,3m<sup>2</sup> tại thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh thuộc lô B2 và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích sàn 90m<sup>2</sup>; 01 Sổ bảo hiểm nhân thọ Dai - I - Chi mua từ năm 2016 đến nay khoảng gần 100.000.000đ. Đối với yêu cầu trên của anh H nộp sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không thụ lý là đúng quy định pháp luật. Anh H có quyền làm đơn khởi kiện trong vụ án khác.

- Về công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị A có đơn xin ly hôn theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Anh Nguyễn Văn H hiện đang cư trú tại thôn G, xã TP, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn G, xã DD, tỉnh Bắc Ninh). Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh) thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 14/11/2008 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ND, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường TL, tỉnh Bắc Ninh). Khi kết hôn anh chị đủ điều kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, cả chị A và anh H đều xác nhận quá trình chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị A trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, anh H thường xuyên rượu chè, không quan tâm gì đến vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, chửi bới, xúc phạm chị và gia đình hàng ngày. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không hoà giải được, đến tháng 4 năm 2024 thì vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay còn anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A tính tình ngang bướng, thỉnh thoảng vợ chồng có xô xát, chửi bới nhau, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị A và anh H xảy ra tình trạng mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng là có thật, vợ chồng chị A và anh H đã sống ly thân với nhau, cắt đứt mọi quan hệ sinh lý, tình cảm, giữa chị A, anh H xảy ra mâu thuẫn là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức. Tại phiên toà chị A vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

**[2.2]. Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 31/8/2009 và cháu Nguyễn Văn Đức T1, sinh ngày 27/8/2011. Hiện các cháu đang ở cùng với chị A và anh H. Khi ly hôn cả chị A và anh H đều thống nhất giao chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Văn Đức T1 còn

giao cháu Nguyễn Văn Anh T cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét về điều kiện thu nhập và chỗ ở: Hiện nay chị A đang làm tại Công ty TNHH điện tử Foster Electric Bắc Ninh. Địa chỉ: Khu công nghiệp Visip, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với thu nhập khoảng 15 - 20 triệu đồng/tháng. Còn anh H đang làm gara ô tô ở số 730, phố Mới, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Thu nhập khoảng 30 đến 40 triệu đồng/tháng (có bảng sao kê tài khoản kèm theo). Về chỗ ở: Cả chị A và anh H vẫn đang cư trú tại nhà ở thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, cả chị A và anh H đều đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng cần đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập tốt và ổn định nhất cho các cháu, để các cháu được phát triển đầy đủ về tâm, sinh lý và cũng đảm bảo nguyện vọng nuôi con chung. Hiện nay, hai cháu đang ở cùng với chị A, anh H.

Theo đơn đề nghị thì cháu T1 và cháu T đều nguyện vọng là được ở với mẹ là Nguyễn Thị A. Tuy nhiên tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của bố, mẹ thì các cháu thay đổi, nhất trí theo nguyện vọng của chị H là cháu Nguyễn Văn Anh T ở với bố còn cháu Nguyễn Văn Đức T1 ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét thấy cần chấp nhận sự thoả thuận của chị A và anh H về việc khi ly hôn giao cháu Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 31/8/2009 cho anh Nguyễn Văn H chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn Đức T1, sinh ngày 27/8/2011 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn H tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[2.3]. Về tài sản chung:** Chị A trình bày tự thoả thuận với anh H, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố của anh H về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 thửa đất số 279, tờ bản đồ số 278, diện tích 127,3m<sup>2</sup> tại thôn G, xã ĐĐ, tỉnh Bắc Ninh thuộc lô B2 và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích sàn 90m<sup>2</sup>; 01 Sổ bảo hiểm nhân thọ Dai - I - Chi mua từ năm 2016 đến nay khoảng gần 100.000.000đ. Anh H có yêu cầu phản tố sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết đối với yêu cầu phản tố trên. Anh H có quyền khởi kiện một vụ án về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn khác.

**[2.4] Về công nợ, công sức:** Chị A và anh H tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 262, 264, 266, 269, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A. Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Khi ly hôn giao cháu Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 31/8/2009 cho anh Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn Đức T1, sinh ngày 27/8/2011 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị Nguyễn Thị A đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai BLTU/24 số 0002741, ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Bắc Ninh). Chị Anh đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 8 - Bắc Ninh;
- Phòng THA DS khu vực 8 - Bắc Ninh;
- UBND phường TL, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Đỗ Cường Dũng**

